

Nghệ An, ngày 25 tháng 02 năm 2022

## **ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022**

### **1. Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tập.

**2. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài.

### **3. Phương thức tuyển sinh**

#### **3.1. Xét tuyển thẳng (Dự kiến 10% chỉ tiêu)**

a) Xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 2, điều 7 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ GD&ĐT;

b) Xét tuyển thẳng các thí sinh là học sinh tham gia các đội tuyển học sinh giỏi; học sinh các trường THPT chuyên; học sinh có các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2022, có 3 năm học THPT đều đạt học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau:

*Ưu tiên 1.* Thí sinh là học sinh đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học được tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

*Ưu tiên 2.* Thí sinh là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố/trường đại học ở bậc THPT.

*Ưu tiên 3.* Thí sinh là học sinh lớp chuyên thuộc các trường THPT chuyên.

*Ưu tiên 4.* Thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế IELTS 6.5, TOEFL iBT 80 (thời hạn 2 năm tính đến ngày 01/08/2022).

- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ ưu tiên 1 lần lượt đến ưu tiên 2, ưu tiên 3, ưu tiên 4 cho đến hết chỉ tiêu. Thí sinh đáp ứng điều kiện ưu tiên 1, ưu tiên 2, ưu tiên 3, ưu tiên 4 vượt quá chỉ tiêu thì điều kiện bổ sung xét theo tổng điểm lớp 12 (cộng điểm ưu tiên, nếu có) của tổ hợp xét tuyển quy định của mỗi ngành ghi tại mục 4.

**3.2. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (Dự kiến 50% chỉ tiêu).**

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.

- Thời gian đăng ký xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Hình thức đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển theo từng ngành, từng tổ hợp. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 3 môn (bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có))

**3.3. Xét tuyển dựa trên kết quả học tập ở cấp THPT (Dự kiến 20% chỉ tiêu)**

- Điều kiện đăng ký xét tuyển:

+ Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 có hạnh kiểm khá và học lực lớp 12 đạt loại Giỏi. Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất được quy định chi tiết tại mục 8;

+ Đối với các ngành khác (ngoài sư phạm): Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT.

- Nguyên tắc xét tuyển: Điểm xét tuyển là tổng điểm xét tuyển (TĐXT) của điểm tổng kết lớp 12 với các môn học trong tổ hợp theo quy định mỗi ngành tại mục 4 (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

+ Điểm xét tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của từng ngành, tổ hợp xét tuyển (bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có)).

+ Cách tính điểm xét tuyển:

$$TĐXT = [\text{ĐCN Môn 1} + \text{ĐCN Môn 2} - \text{ĐCN Môn 3}] + \text{ĐUT (nếu có)}$$

$$\text{ĐUT} = [\text{ĐUT theo đối tượng} + \text{ĐUT theo khu vực}]$$

Trong đó, TĐXT: Tổng điểm xét tuyển, ĐCN: Điểm cả năm, ĐUT: Điểm ưu tiên.

### 3.4. Xét tuyển kết hợp (Dự kiến 10% chỉ tiêu)

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 và 2 môn thi của kì thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp chính của ngành tuyển. Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

$$DXT = [\text{ĐTB lớp 12} + \text{ĐT môn 1} + \text{ĐT môn 2}] + \text{ĐUT (nếu có)}$$

$$\text{ĐUT} = [\text{ĐUT theo đối tượng} + \text{ĐUT theo khu vực}]$$

Trong đó, ĐT môn: Điểm thi môn; ĐTB: Điểm TB; ĐUT: Điểm ưu tiên.

### 3.5. Đối với các ngành năng khiếu (Áp dụng đối với ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất)

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT hoặc bài thi/môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp với thi tuyển năng khiếu cho 2 ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất.

### 3.6. Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy và năng lực năm 2022 (Dự kiến 10% chỉ tiêu)

Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội.

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022:** 6.200 chỉ tiêu, trong đó có 700 chỉ tiêu đào tạo văn bằng 2 đại học chính quy.

#### 4.1. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Các tổ hợp môn xét tuyển			
				C00	D66	C19	C20
1	Giáo dục Chính trị	7140205	35	C00	D66	C19	C20
2	Giáo dục Mầm non	7140201	200	M00	M01	M10	M13
3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	30	C00	D01	A00	C19
4	Giáo dục Thể chất	7140206	30	T00	T01	T02	T05
5	Giáo dục Tiểu học	7140202	350	C00	D01	A00	A01
6	Quản lý giáo dục	7140114	50	C00	D01	A00	A01
7	Sư phạm Địa lý	7140219	35	C00	C04	C20	D15
8	Sư phạm Hóa học	7140212	45	A00	B00	D07	C02
9	Sư phạm Lịch sử	7140218	30	C00	C19	C20	D14
10	Sư phạm Ngữ văn	7140217	70	C00	D01	D15	C20
11	Sư phạm Sinh học	7140213	25	A02	B00	B02	B08
12	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	200	D01	D14	D15	A01
13	Sư phạm Tiếng Anh (lớp tài năng)	7140231C	30	D01	D14	D15	D66
14	Sư phạm Tin học	7140210	30	A00	A01	D01	D07

15	Sư phạm Toán học	7140209	70	A00	A01	B00	D01
16	Sư phạm Toán học chất lượng cao	7140209C	30	A00	A01	B00	D01
17	Sư phạm Vật lý	7140211	25	A00	A01	B00	D07
18	Kế toán	7340301	500	A00	A01	D01	D07
19	Luật	7380101	200	C00	D01	A00	A01
20	Luật kinh tế	7380107	150	C00	D01	A00	A01
21	Quản trị kinh doanh	7340101	400	A00	A01	D01	D07
22	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	7340101C	30	A00	A01	D01	D07
23	Tài chính - Ngân hàng	7340201	150	A00	A01	D01	D07
24	Thương mại điện tử	7340122	60	A00	A01	D01	D07
25	Kinh tế xây dựng	7580301	50	A00	B00	D01	A01
26	Công nghệ sinh học	7420201	50	B00	B02	B04	B08
27	Khoa học dữ liệu và thống kê	7460202	50	A00	A01	B00	D01
28	Chăn nuôi ( <i>Chăn nuôi và Chăn nuôi - chuyên ngành Thú y</i> )	7620105	60	A00	B00	D01	B08
29	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	100	A00	B00	D01	A01
30	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	50	A00	B00	D01	A01
31	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	150	A00	B00	D01	A01
32	Công nghệ thông tin	7480201	300	A00	A01	D01	D07
33	Công nghệ thông tin chất lượng cao	7480201C	35	A00	A01	D01	D07
34	Khoa học máy tính	7480101	50	A00	A01	D01	D07
35	Công nghệ thực phẩm	7540101	100	A00	B00	A01	D07
36	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	50	A00	B00	D01	A01
37	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520226	100	A00	B00	D01	A01
38	Kỹ thuật phần mềm	7480103	70	A00	A01	D01	D07
39	Kỹ thuật xây dựng	7580201	150	A00	B00	D01	A01
40	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	100	A00	B00	D01	A01
41	Nông học	7620109	80	A00	B00	D01	B08
42	Nuôi trồng thủy sản	7620301	100	A00	B00	D01	B08
43	Điều dưỡng	7720301	150	B00	C08	D08	D13
44	Báo chí	7320101	100	C00	D01	A00	A01
45	Chính trị học	7310201	50	C00	D01	C19	A01
46	Công tác xã hội	7760101	80	C00	D01	A00	A01
47	Du lịch	7810101	150	C00	D01	A00	A01
48	Kinh tế	7310101	100	A00	A01	D01	B00
49	Ngôn ngữ Anh	7220201	200	D01	D14	D15	A01
50	Quản lý đất đai	7850103	50	A00	B00	D01	B08
51	Quản lý nhà nước	7310205	50	C00	D01	A00	A01
52	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	50	A00	B00	D01	B08
53	Quản lý văn hóa	7229042	50	C00	D01	A00	A01
54	Kỹ thuật điện tử và tin học	7520210	50	A00	B00	D01	A01
<b>Tổng:</b>			<b>5.500</b>				

**Các tổ hợp xét tuyển:**

- **Tổ hợp nhóm A:** A00: Toán, Vật lý, Hoá học; A01: Toán, Vật lý, tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học.

- **Tổ hợp nhóm B:** B00: Toán, Hoá học, Sinh học; B02: Toán, Sinh học, Địa lý; B04: Toán, Sinh học, Giáo dục công dân; B08: Toán, Sinh học, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm C:** C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học; C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý; C19: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân; C20: Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân.

- **Tổ hợp nhóm D:** D01: Toán, Ngữ văn, tiếng Anh; D07: Toán, Hoá học, tiếng Anh; D13: Ngữ văn, Sinh học, tiếng Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh; D15: Ngữ văn, Địa lý, tiếng Anh; D66: Ngữ văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh.

- **Tổ hợp nhóm M:** M00: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu mầm non; M01: Toán, tiếng Anh, Năng khiếu mầm non; M10: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu mầm non; M13: Toán, Sinh học, Năng khiếu mầm non.

- **Tổ hợp nhóm T:** T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T01: Toán, Ngữ văn, Năng khiếu GDTC; T02: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu GDTC; T05: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu GDTC.

#### **4.2. Các ngành đào tạo đại học chất lượng cao**

Các ngành đào tạo đại học chất lượng cao thu học phí theo quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường áp dụng mức học phí và lộ trình tăng học phí cho từng năm theo quy định của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Các ngành sư phạm Toán học, Sư phạm Tiếng Anh lớp tài năng không thu học phí.

### **5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển**

#### **5.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở bậc THPT**

- Đối với các ngành ngoài sư phạm: Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 12 đạt tối thiểu 18 điểm (chưa cộng điểm ưu tiên).

- Ngành Ngôn ngữ Anh, ngoài tiêu chí về tổng điểm đạt tối thiểu 18 điểm, thí sinh cần phải đạt điểm tổng kết môn tiếng Anh của năm lớp 12 đạt 6.5 điểm trở lên.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Điểm trung bình cộng theo tổ hợp xét tuyển của lớp 12 tại mục 4.1 tối thiểu là 8,0 trở lên; học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Đối với ngành Điều dưỡng: Điểm trung bình cộng theo tổ hợp xét tuyển của lớp 12 tại mục 4.1 tối thiểu là 6,5 trở lên và học lực lớp 12 từ khá trở lên.

#### **5.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở bậc THPT kết hợp thi năng khiếu đối với ngành GDTC**

Kết quả thi năng khiếu và 2 môn tổ hợp xét tuyển tại mục 4.1 đạt điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT (2 môn tổ hợp xét tuyển của lớp 12) tối thiểu là 6,5 trở lên. Nếu đối tượng dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT tối thiểu là 5,0 trở lên;

#### **5.3. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022**

- Trường Đại học Vinh sẽ xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi Tốt nghiệp THPT của các thí sinh. Kết quả cụ thể sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ: <http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn>.

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên, sức khỏe: Căn cứ kết quả của Kỳ thi THPT 2022, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên, ngoài kết quả kỳ thi THPT và xét tuyển sử dụng kết quả học tập, thí sinh phải có hạnh kiểm của năm học lớp 12 THPT đạt từ loại Khá trở lên.

**5.4. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp thi tuyển năng khiếu đối với ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất:** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**5.5 Phương thức tuyển thẳng:** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định chi tiết tại mục 8.

**6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ trong xét tuyển...**

- Mã trường: TDV
- Mã số ngành, tổ hợp xét tuyển: như mục 4.1.
- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại mục 8 và sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022 của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội: 10-20% chỉ tiêu.
- Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi/môn thi của kỳ thi THPT năm 2022: 50-60% chỉ tiêu.
- Xét tuyển kết quả học tập THPT: 30-40% chỉ tiêu.
- Xét tuyển kết hợp: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập lớp 12 và 2 môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp chính của ngành tuyển: 20% chỉ tiêu.
- Các ngành đào tạo giáo viên không tuyển thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

**7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo**

**7.1.** Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT đợt 1 theo Quy định của Bộ GD&ĐT và thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Vinh.

**7.2.** Nguyên tắc xét tuyển

- Sử dụng kết quả của kỳ thi THPT thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp các môn thi, bài thi của từng ngành; Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.
- Sử dụng kết quả học tập THPT thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp tổ hợp các môn học; Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của từng ngành.
- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại mục 8 và sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022 của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và Đại học Quốc gia Hà Nội; Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của từng ngành.

Ghi chú: Ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngành Ngôn ngữ Anh, điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2; Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất điểm môn thi năng khiếu nhân hệ số 2.

**7.3.** Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu, gồm 2 ngành:

Giáo dục Mầm non - Mã ngành: 7140201

Giáo dục Thể chất - Mã ngành: 7140206

**- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:**

- + Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT của tổ hợp xét tuyển.
- + Sử dụng kết quả học tập bậc THPT và môn thi năng khiếu theo tổ hợp xét tuyển.
- + Thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình, tiêu chí tuyển sinh năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh.
- + Điểm môn năng khiếu nhân hệ số 2 (gồm: Hát; Đọc - kể diễn cảm).

**- Đối với ngành Giáo dục Thể chất:**

- + Sử dụng kết quả thi THPT và môn thi năng khiếu theo tổ hợp xét tuyển.
- + Sử dụng kết quả học tập bậc THPT và môn thi năng khiếu theo tổ hợp xét tuyển.

+ Thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình, tiêu chí tuyển sinh năng khiếu Giáo dục Thể chất của Trường Đại học Vinh.

+ Ngành Giáo dục Thể chất chỉ tuyển những thí sinh có thể hình cân đối: Nam cao 1,65m, nặng 45 kg trở lên; Nữ cao 1,55m, nặng 40 kg trở lên.

+ Điểm môn thi năng khiếu nhân hệ số 2 (gồm các nội dung: Bật xa tại chỗ, chạy luôn cọc 30m (chạy zig zắc) và chạy 100m).

**- Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ thi năng khiếu:**

+ Thí sinh sử dụng mẫu Hồ sơ thi năng khiếu tại website

+ Thí sinh nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trường

+ Thời gian nộp Hồ sơ thi năng khiếu từ ngày 15/5/2022 đến ngày 30/6/2022 (theo lịch Bộ GD&ĐT)

+ Địa chỉ: Phòng Đào tạo, Tầng 1, Nhà Điều hành, Trường Đại học Vinh; Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0238.898 8989

- Thời gian thi năng khiếu: Dự kiến tổ chức thi vào ngày 13 và 14/7/2022.

**7.4. Xét tuyển**

- Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT

+ Thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống quản lý thi THPT của Bộ GD&ĐT theo lịch chung của Bộ.

+ Thời gian đăng ký xét tuyển: Theo lịch của Bộ GD&ĐT.

**- Xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở cấp THPT**

† Cách 1: Đăng ký trực tuyến tại Cổng tuyển sinh của Trường Đại học Vinh tại địa chỉ: <http://tuyensinh.vinhuni.edu.vn/>

+ Cách 2: Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện bằng chuyển phát nhanh về (Phòng Đào tạo - Trường Đại học Vinh, Số 182, đường Lê Duẩn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, điện thoại: 0238.898 8989).

+ Hồ sơ gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển (có mẫu kèm theo); Bảng tốt nghiệp THPT, Học bạ (bản sao có công chứng); 02 ảnh cỡ 4 x 6cm (mặt sau có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh), 02 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại liên hệ.

+ Thời gian: Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/7/2022 và các đợt bổ sung.

+ Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT (thu lệ phí xét tuyển khi làm thủ tục nhập học).

- Nguyên tắc xét tuyển: Trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh và điểm chuẩn xét tuyển đối với các tổ hợp môn thi, bài thi của khối ngành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xét tuyển thứ tự theo tổng điểm (kể cả điểm khu vực và điểm ưu tiên nếu có) từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng và giữa hai khu vực theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển trong thời hạn quy định bằng cách: Gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại trường.

**8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển**

Trường Đại học Vinh xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học chính quy, thứ tự xem xét ưu tiên như sau:

**8.1. Các đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành đào tạo của Trường Đại học Vinh**

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

2. Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

3. Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

4. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cup thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASLAD), Giải vô địch châu Á, Cup châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cup Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Thể chất của Nhà trường. Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

5. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào đại học theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

6. Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

7. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Vinh: Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

8. Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ DKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

9. Thí sinh là học sinh của các trường THPT chuyên trên cả nước, đã tốt nghiệp THPT, có kết quả thi THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định của

Trường Đại học Vinh và đáp ứng một trong các điều kiện sau: có học lực 3 năm THPT xếp loại giỏi, hạnh kiểm tốt; đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; đạt giải khuyến khích trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; đạt giải Nhất, Nhì hoặc Ba trong các kì thi HSG cấp Tỉnh hoặc Thành phố trực thuộc Trung ương.

10. Thí sinh đoạt các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất.

**8.2. Xét tuyển thẳng các thí sinh là học sinh tham gia các đội tuyển học sinh giỏi; học sinh các trường THPT chuyên; học sinh có các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.**

- Điều kiện đăng ký xét tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2022, có 3 năm học THPT đều đạt học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau:

*Ưu tiên 1.* Thí sinh là học sinh đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học được tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

*Ưu tiên 2.* Thí sinh là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố/trường đại học ở bậc THPT.

*Ưu tiên 3.* Thí sinh là học sinh lớp chuyên thuộc các trường THPT chuyên.

*Ưu tiên 4.* Thí sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế IELTS 6.5, TOEFL iBT 80 (thời hạn 2 năm tính đến ngày 01/08/2022).

- Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ ưu tiên 1 lần lượt đến ưu tiên 2, ưu tiên 3, ưu tiên 4 cho đến hết chỉ tiêu. Thí sinh đáp ứng điều kiện ưu tiên 1, ưu tiên 2, ưu tiên 3, ưu tiên 4 vượt quá chỉ tiêu thì điều kiện bổ sung xét theo tổng điểm lớp 12 (cộng điểm ưu tiên, nếu có) của tổ hợp xét tuyển quy định của mỗi ngành ghi tại mục 4.

**8.3. Danh sách tổ hợp xét tuyển của Trường Đại học Vinh học sinh đăng ký tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo môn đạt giải học sinh giỏi.**

TT	Môn đạt giải	Ngành đăng ký xét tuyển Theo Tổ hợp môn được xét tuyển	Ghi chú
1.	Toán, Tin học	A00*, A01, A02, B00, D01	<i>Những tổ hợp môn có đánh dấu (*) là xét tuyển vào đúng ngành; các tổ hợp còn lại là ngành gần.</i>
2.	Vật lý	A00*, A01, B00, D01, D07	
3.	Hóa học	A00*, A01, B00, D01, D07	
4.	Sinh học	B00*, A02, B02, B08, D01	
5.	Ngữ văn	C00*, D01, D15, C20	
6.	Lịch sử	C00*, C19, C20, D14, D01	
7.	Địa lý	C00*, C04, D20, D15, D01	
8.	Tiếng Anh	D01*, D14, D15, D66	

### 9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển nộp theo Quy định của Bộ GD&ĐT. Lệ phí thi tuyển năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất và xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT thí sinh nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo hoặc chuyển khoản về Trường:

- Tên tài khoản: Trường Đại học Vinh

- Số tài khoản: 3713.0.1055499, tại Kho bạc Nhà nước Nghệ An.

**10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm**

Thực hiện theo định mức và lộ trình quy định tại Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2022 - 2023; Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về việc Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Học phí trung bình áp dụng cho năm học 2022 - 2023: 12.900.000 đồng/sinh viên.

## 11. Các nội dung khác

**11.1.** Thông tin trực hỗ trợ đề giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2022.

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại
1.	Hoàng Vĩnh Phú	Trưởng phòng Đào tạo	0916.435.868
2.	Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	0913.550.221
3.	Lê Khắc Phong	Chuyên viên Phòng Đào tạo	0904.826.959
4.	Phan Anh Hùng	Chuyên viên Phòng Đào tạo	0912.542.423
5.	Thái Thanh Tĩnh	Chuyên viên Phòng Đào tạo	0914.445.570
6.	Hoàng Hà Nam	Trưởng Bộ phận Truyền thông	0975.153.513
7.	Nguyễn Thị Hà Giang	Phó Bí thư Đoàn trường	0935.991.989
8.	Dương Trung Nguyễn	Viện NC&ĐT trực tuyến	0916.177.337
9.	Kiều Khánh Linh	Chủ tịch Hội Sinh viên	0904.725.836

## 11.2. Học bổng

### a) Học bổng khuyến khích học tập

Mức học bổng thấp nhất bằng mức trần học phí của khối ngành đó, mức học bổng khuyến khích học tập loại Giỏi tăng thêm 10% so với mức học bổng loại Khá, mức học bổng loại Xuất sắc tăng thêm 15% so với mức học bổng loại Giỏi (*lấy tròn số*).

### b) Học bổng tuyển sinh:

- Căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể: Xét đạt từ 26.0 điểm trở lên theo tổ hợp xét tuyển (không tính điểm ưu tiên, không tính điểm làm tròn, không tính điểm nhân hệ số); hạnh kiểm lớp 12 đạt loại Tốt.

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng theo chính sách ưu tiên của nhà nước và của Trường Đại học Vinh được cấp học bổng tuyển sinh

### c) Học bổng tài trợ, trợ cấp đột xuất, nhiều đợt/1 năm

d) Khen thưởng thí sinh đạt điểm cao vào Trường Đại học Vinh; sinh viên đạt kết quả học lực từ loại giỏi và xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên theo năm học; Khen thưởng cuối khóa học đạt kết quả học lực từ loại giỏi và xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên theo khóa học; sinh viên có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, tham gia tình nguyện.